

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03 /2020/HNGĐ-PT
Ngày 27 – 02 – 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Toàn;

2/. Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 25/2019/HNGĐ-ST, ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1998. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp p, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: đường Hưng N, xã Tân K, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xa M2, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

-Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1994.(có mặt)

Địa chỉ: ấp p, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn U – luật sư Văn phòng luật sư Việt U – Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Địa chỉ: ấp b thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/6/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017. Đến khoảng tháng 02/2019 vì cuộc sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng gửi con cho mẹ chồng trông giữ để đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, làm được vài tháng thì gia đình chồng kêu anh N về do cha chồng bị bệnh và anh N đã bỏ về quê cho đến nay. Từ khi anh N về quê thì giữa chị và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị có về thăm con nhưng anh N và mẹ chồng ngăn cản. Đến tháng 8/2019, gia đình chị có qua nhà anh N để hòa giải hàn gắn nhưng anh N và gia đình không đồng ý cũng không cho chị tiếp xúc với con và được quyền nuôi dưỡng con.

Nay nhận thấy chị không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh N, về con chung xin yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo đơn khởi kiện chị L trình bày cuộc sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn là không đúng vì từ khi kết hôn đến nay thì vợ chồng vẫn sống hạnh phúc với nhau, mặc dù có cãi vã nhưng đó cũng chỉ là cãi nhau những chuyện bình thường trong gia đình. Việc chị L trình bày chị L về thăm con nhưng anh và mẹ anh ngăn cản là không đúng, vì thực chất kể từ ngày 18/8/2019 chị L bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay thì chị L để lại con chung là cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 cho anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L không có về thăm con kể cả những khi cháu H bệnh tật. Nay chị L cương quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý. Về con chung anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng do hiện tại anh có công việc ổn định và mức lương hàng tháng đủ để nuôi dưỡng cháu H ăn học, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu sau này, hiện anh cũng đang cho cháu đi học. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận.

Tại Bản án sơ thẩm 25/2019/HNGĐ-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 77, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 cho anh Phạm Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị Nguyễn Thị Ngọc L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm Văn N thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22/11/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm tuyên buộc anh Phạm Văn N phải có trách nhiệm giao con tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị L không rút lại đơn khởi kiện, không rút lại đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm vì chị L không đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu H.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” là không chính xác, cần phải điều chỉnh mối quan hệ tranh chấp đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” là chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm điều chỉnh quan hệ tranh chấp cụ thể là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] Việc vắng mặt người đại diện cho nguyên đơn là bà Phạm Ngọc N, nguyên đơn chị L đồng ý xét xử vắng mặt bà N và đây là phiên tòa lần thứ hai được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[4] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn chị L thì thấy trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm Văn N có 01 người con chung là cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 (cháu H đã được 26 tháng 29 ngày tuổi, hiện đang sống với ông N). Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*” nên mặc dù cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng không thể giao cháu cho mẹ là chị L trực tiếp nuôi dưỡng, bởi vì qua xác minh ông Võ Văn T là Trưởng ban nhân dân ấp p vào ngày 07/02/2020 thể hiện chị L là người bỏ đi để lại cháu cho cha là anh N nuôi dưỡng (bút lục số 92), hiện nay cháu đang được theo học tại Trường mầm non Vĩnh L từ tháng 10/2019 đã ổn định (Theo biên bản xác minh cô giáo Nguyễn Thị Phương T ngày 07/02/2020 tại bút lục số 91) và quan trọng hơn là ông N có thu nhập ổn định đó là có làm ruộng và hiện đang làm thuê cho hai doanh nghiệp tại địa phương theo biên bản xác minh chủ doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Anh Q (bút lục số 93) và chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Huỳnh Chánh S ngày 07/02/2020 (bút lục số 94).

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện cho nguyên đơn là bà Phạm Ngọc N có tiến hành thu thập ý kiến của chủ doanh nghiệp Huỳnh Anh Q là bà Võ Hồng Đ ghi nhận là anh N không có làm cho doanh nghiệp của bà Đ, nhưng qua xác minh kiểm tra lại của Tòa án cấp phúc thẩm ngày 07/02/2020 đối với bà Đ đã thể hiện nội dung ghi nhận của bà N là không đúng sự thật (theo biên bản xác minh bà Võ Hồng Đ ngày 07/02/2020). Ngược lại, nguyên đơn bà L đang làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, không có thời gian nhiều để chăm sóc cháu, hiện chưa có nhà ở riêng, phải ở chung với gia đình, còn thu nhập cũng không đảm bảo để nuôi dưỡng cháu. Hiện cháu đã sống ổn định với ông N, phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, năng động. Nếu giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường cho cháu. Do

đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định giao cháu Phạm Nguyễn Gia H cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc L về việc yêu cầu giao cháu Phạm Nguyễn Gia H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Như đã phân tích trên thì thấy rằng đề nghị của Luật sư, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Trong quá trình nuôi dưỡng cháu H, chị L và anh N có thể thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi cháu phù hợp với lợi ích của cháu H hoặc chị L phát hiện anh N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu thì chị L có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo pháp luật tố tụng dân sự.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị L không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 25/2019/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 77, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 cho anh Phạm Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị Nguyễn Thị Ngọc L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm Văn N thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009828 ngày 07/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Chị L đã nộp đủ án phí.

[2] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009841 ngày 21/11/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã thực hiện xong.

[3] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THA huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Rết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa